

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 437/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 17/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 04,05/7/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Nguyễn Thị Anh	07/11/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003120	CNTT/20/3153	Đạt	
2	CNTT02	Nguyễn Thị Hồng Anh	08/11/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,5	DBG003121	CNTT/20/3154	Đạt	
3	CNTT04	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/12/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003122	CNTT/20/3155	Đạt	
4	CNTT05	Bạch Bảo Hoàn Châu	09/12/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG003123	CNTT/20/3156	Đạt	
5	CNTT06	Lê Thị Cúc	15/10/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003124	CNTT/20/3157	Đạt	
6	CNTT07	Vũ Mạnh Cường	01/10/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG003125	CNTT/20/3158	Đạt	
7	CNTT08	Nguyễn Thị Diễm	20/09/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003126	CNTT/20/3159	Đạt	
8	CNTT09	Trần Thị Định	30/10/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003127	CNTT/20/3160	Đạt	
9	CNTT10	Nguyễn Thị Hà	21/10/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	DBG003128	CNTT/20/3161	Đạt	
10	CNTT11	Nguyễn Thị Hà	30/11/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003129	CNTT/20/3162	Đạt	
11	CNTT12	Nguyễn Thị Hà	09/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003130	CNTT/20/3163	Đạt	
12	CNTT13	Trần Thị Thanh Hằng	16/12/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003131	CNTT/20/3164	Đạt	
13	CNTT14	Nguyễn Ngọc Hân	30/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003132	CNTT/20/3165	Đạt	
14	CNTT15	Dương Minh Hiền	12/09/1971	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	DBG003133	CNTT/20/3166	Đạt	
15	CNTT16	Trần Thị Hoàn	18/04/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003134	CNTT/20/3167	Đạt	
16	CNTT17	Trần Thị Bích Hợp	12/06/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003135	CNTT/20/3168	Đạt	
17	CNTT18	Hà Thị Thanh Huyền	14/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003136	CNTT/20/3169	Đạt	
18	CNTT19	Hoàng Thị Huyền	02/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003137	CNTT/20/3170	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
19	CNTT20	Nguyễn Thị Hưng	21/03/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003138	CNTT/20/3171	Đạt	
20	CNTT21	Hoàng Xuân Khôi	12/03/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG003139	CNTT/20/3172	Đạt	
21	CNTT22	Trần Thị Lan	22/06/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003140	CNTT/20/3173	Đạt	
22	CNTT24	Trần Thị Liên	01/06/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003141	CNTT/20/3174	Đạt	
23	CNTT25	Trần Thị Liên	16/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003142	CNTT/20/3175	Đạt	
24	CNTT26	Nguyễn Thùy Linh	08/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003143	CNTT/20/3176	Đạt	
25	CNTT28	Đỗ Hoàng Bích Ngọc	06/08/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003144	CNTT/20/3177	Đạt	
26	CNTT29	Thân Văn Ngọc	21/11/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003145	CNTT/20/3178	Đạt	
27	CNTT30	Vũ Thị Bích Ngọc	10/09/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003146	CNTT/20/3179	Đạt	
28	CNTT31	Đoàn Thị Nhân	28/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003147	CNTT/20/3180	Đạt	
29	CNTT32	Trịnh Nhật Như	24/02/1997	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	8,0	DBG003148	CNTT/20/3192	Đạt	
30	CNTT34	Trần Thị Phương	28/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	DBG003149	CNTT/20/3181	Đạt	
31	CNTT35	Lê Thị Phượng	04/03/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003150	CNTT/20/3182	Đạt	
32	CNTT36	Vũ Thị Quyên	24/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003151	CNTT/20/3183	Đạt	
33	CNTT37	Nguyễn Thị Thanh	20/01/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	DBG003152	CNTT/20/3184	Đạt	
34	CNTT38	Đỗ Thị Phương Thảo	27/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003153	CNTT/20/3185	Đạt	
35	CNTT39	Nguyễn Thị Thi	05/02/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG003154	CNTT/20/3186	Đạt	
36	CNTT40	La Thị Thu	13/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003155	CNTT/20/3187	Đạt	
37	CNTT41	Hà Thị Thùy	17/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	DBG003156	CNTT/20/3188	Đạt	
38	CNTT42	Nguyễn Thị Thùy	25/09/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	6,0	7,0	DBG003157	CNTT/20/3189	Đạt	
39	CNTT43	Vi Thị Hương Thùy	24/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003158	CNTT/20/3190	Đạt	
40	CNTT44	Dương Thị Thủy	27/04/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG003159	CNTT/20/3191	Đạt	
41	CNTT45	Nguyễn Thị Thủy	27/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	DBG003160	CNTT/20/3193	Đạt	
42	CNTT46	Đường Lê Thi	10/07/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,7	8,5	DBG003161	CNTT/20/3194	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
43	CNTT48	Nguyễn Thị Thương	02/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG003162	CNTT/20/3195	Đạt	
44	CNTT49	Đoàn Thị Trang	04/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	DBG003163	CNTT/20/3196	Đạt	
45	CNTT50	Nguyễn Minh Tú	22/10/1993	Hà Nội	Nam	Kinh	7,7	6,5	DBG003164	CNTT/20/3197	Đạt	
46	CNTT53	Trần Thị Yến	05/07/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003165	CNTT/20/3198	Đạt	
47	CNTT54	Hoàng Văn Bản	09/01/1991	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	DBG003166	CNTT/20/3199	Đạt	
48	CNTT55	Hoàng Thị Bé	19/02/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	DBG003167	CNTT/20/3200	Đạt	
49	CNTT56	Trần Văn Biên	06/12/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,0	DBG003168	CNTT/20/3201	Đạt	
50	CNTT57	Đỗ Quyết Chiến	04/05/1971	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003169	CNTT/20/3202	Đạt	
51	CNTT58	Đặng Thị Cúc	30/04/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	DBG003170	CNTT/20/3203	Đạt	
52	CNTT59	Hoàng Văn Cường	24/11/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	DBG003171	CNTT/20/3204	Đạt	
53	CNTT60	Phùng Thị Dèo	05/09/1972	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	DBG003172	CNTT/20/3205	Đạt	
54	CNTT61	Hà Thị Du	10/07/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	DBG003173	CNTT/20/3206	Đạt	
55	CNTT62	Hà Thị Duyên	02/09/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	DBG003174	CNTT/20/3207	Đạt	
56	CNTT63	Long Văn Đàm	15/01/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	DBG003175	CNTT/20/3208	Đạt	
57	CNTT64	Lộc Thị Đức	10/11/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	DBG003176	CNTT/20/3209	Đạt	
58	CNTT65	Hoàng Thị Minh Giang	22/08/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	DBG003177	CNTT/20/3210	Đạt	
59	CNTT66	Lường Mỹ Hà	30/04/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	6,5	DBG003178	CNTT/20/3211	Đạt	
60	CNTT67	Phùng Thị Hà	18/11/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	DBG003179	CNTT/20/3212	Đạt	
61	CNTT68	Hoàng Văn Hạch	28/07/1991	Lạng Sơn	Nam	Sán chỉ	6,5	6,5	DBG003180	CNTT/20/3213	Đạt	
62	CNTT69	Lý Thị Hạnh	20/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	DBG003181	CNTT/20/3214	Đạt	
63	CNTT70	Nông Minh Hiếu	11/08/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	DBG003182	CNTT/20/3215	Đạt	
64	CNTT71	Đỗ Thị Hoa	06/09/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	DBG003183	CNTT/20/3216	Đạt	
65	CNTT72	Hoàng Văn Hoàn	20/05/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	DBG003184	CNTT/20/3217	Đạt	
66	CNTT73	Hoàng Thị Hương	12/11/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	DBG003185	CNTT/20/3218	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
67	CNTT74	Lý Thị Hương	19/01/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	DBG003186	CNTT/20/3219	Đạt	
68	CNTT75	Vi Văn Khai	09/12/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	DBG003187	CNTT/20/3220	Đạt	
69	CNTT76	Nông Trung Kiên	20/03/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	DBG003188	CNTT/20/3221	Đạt	
70	CNTT77	Vi Thị Nga	14/02/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,5	DBG003189	CNTT/20/3222	Đạt	
71	CNTT78	Hoàng Văn Tặng	10/10/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	8,0	DBG003190	CNTT/20/3223	Đạt	
72	CNTT79	Dương Thị Vân	28/5/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	DBG003191	CNTT/20/3224	Đạt	
73	CNTT80	Lê Thị Lan	20/01/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	DBG003192	CNTT/20/3225	Đạt	
74	CNTT81	Đặng Thị Như Lệ	16/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	DBG003193	CNTT/20/3226	Đạt	
75	CNTT82	Hoàng Thị Ngọc Mỹ	10/04/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG003194	CNTT/20/3227	Đạt	
76	CNTT83	Lường Thị Minh	17/04/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	DBG003195	CNTT/20/3228	Đạt	
77	CNTT84	Nông Văn Mừng	14/06/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,5	DBG003196	CNTT/20/3229	Đạt	
78	CNTT85	Hứa Thị Nga	01/01/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	DBG003197	CNTT/20/3230	Đạt	
79	CNTT86	Hoàng Thị Nga	10/10/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	8,0	DBG003198	CNTT/20/3231	Đạt	
80	CNTT87	Chu Thị Nghiều	15/11/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	DBG003199	CNTT/20/3232	Đạt	
81	CNTT88	Cù Minh Ngọc	10/08/1994	Phú Thọ	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003200	CNTT/20/3233	Đạt	
82	CNTT89	Vi Thị Nhót	16/10/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	DBG003201	CNTT/20/3234	Đạt	
83	CNTT90	Hà Thị Nhung	01/04/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	DBG003202	CNTT/20/3235	Đạt	
84	CNTT91	Lý Thị Oanh	18/11/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	DBG003203	CNTT/20/3236	Đạt	
85	CNTT92	Hoàng Văn Sáu	17/10/1966	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	DBG003204	CNTT/20/3237	Đạt	
86	CNTT93	Vy Thị Sít	01/12/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	DBG003205	CNTT/20/3238	Đạt	
87	CNTT94	Lê Thị Tại	16/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	DBG003206	CNTT/20/3239	Đạt	
88	CNTT95	Chu Thị Thanh	04/04/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	DBG003207	CNTT/20/3240	Đạt	
89	CNTT96	Kiểm Văn Thuy	10/10/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	DBG003208	CNTT/20/3241	Đạt	
90	CNTT97	Nguyễn Thị Thúy	22/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	DBG003209	CNTT/20/3242	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
91	CNTT98	Vi Thị Thúy	07/05/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	DBG003210	CNTT/20/3243	Đạt	
92	CNTT99	Âu Huyền Trang	27/05/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	DBG003211	CNTT/20/3244	Đạt	
93	CNTT100	Lưu Thùy Trang	05/05/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	DBG003212	CNTT/20/3245	Đạt	
94	CNTT101	La Văn Trung	05/03/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	DBG003213	CNTT/20/3246	Đạt	
95	CNTT102	Lê Anh Tuấn	05/09/1973	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	7,0	DBG003214	CNTT/20/3247	Đạt	
96	CNTT103	Nông Văn Vinh	12/02/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	DBG003215	CNTT/20/3248	Đạt	
97	CNTT104	Long Thị Yến	06/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	DBG003216	CNTT/20/3249	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 97

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2020
THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang